

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
KỶ THI NGÀY 18/01/2026

Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)
Thời gian thi Ca 1 (7h00-11h30); Ca 2 (13h00- 17h30)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
1	181001	Hồ Lê An	412220214	03/10/2004	22CNATMCLC02	1	1 (A401)
2	181002	Biện Thị Huyền Anh	417220109	28/07/2004	22CNHCLC01	1	1 (A401)
3	181003	Bùi Thị Quỳnh Anh	412220002	10/08/2004	22CNADL01	1	1 (A401)
4	181004	Đặng Nguyễn Phương Anh	412230202	28/02/2005	23CNATM03	1	1 (A401)
5	181005	Đậu Lê Phương Anh	411210415	02/11/2003	21CNA08	1	1 (A401)
6	181006	Hồ Thị Phương Anh	412220269	24/05/2004	22CNATMCLC04	1	1 (A401)
7	181007	Lê Loan Anh	411220156	03/03/2004	22CNA05	1	1 (A401)
8	181008	Lê Thị Lan Anh	412220188	20/10/2004	22CNATMCLC01	1	1 (A401)
9	181009	Lữ Thị Anh	412210042	13/01/2003	21CNADL02	1	1 (A401)
10	181010	Nguyễn Thị Kim Anh	412220147	17/08/2004	22CNATM02	1	1 (A401)
11	181011	Nguyễn Thị Ngọc Anh	411220042	23/03/2004	22CNA02	1	1 (A401)
12	181012	Nguyễn Thị Vân Anh	412210172	26/10/2003	21CNADLCLC01	1	1 (A401)
13	181013	Nguyễn Thị Vân Anh	412220215	10/02/2003	22CNATMCLC02	1	1 (A401)
14	181014	Nguyễn Vũ Minh Anh	412220148	10/08/2004	22CNATM02	1	1 (A401)
15	181015	Phạm Ngọc Anh	412210002	28/06/2003	22CNADL01	1	1 (A401)
16	181016	Phan Bá Hồng Anh	411220441	01/02/2004	22CNACLC03	1	1 (A401)
17	181017	Trần Thị Tú Anh	412220241	16/03/2004	22CNATMCLC03	1	1 (A401)
18	181018	Trương Công Anh	411220041	01/08/2004	22CNA02	1	1 (A401)
19	181019	Trương Mỹ Anh	417220001	12/09/2004	22CNH01	1	1 (A401)
20	181020	Lê Hoàng Ánh	419220023	02/03/2004	22SPA02	1	1 (A401)
21	181021	Lê Hoàng Thái Bảo	412220217	22/10/2004	22CNATMCLC02	1	1 (A401)
22	181022	Nguyễn Ngọc Bảo	412220149	28/10/2004	22CNATM02	1	1 (A401)
23	181023	Thái Ngọc Bảo	412220110	04/02/2004	22CNATM01	1	1 (A401)
24	181024	Phạm Hoài Xuân Bích	417220268	29/04/2004	22CNTL01	1	1 (A401)
25	181025	Phạm Nguyên Bình	412220296	18/09/2004	22CNATMĐT01	1	1 (A401)
26	181026	H Zip Byă	411220043	09/05/2003	22CNA02	1	1 (A401)
27	181027	Nguyễn Lê Bảo Châu	417220137	21/07/2004	22CNJ01	1	1 (A401)
28	181028	Phạm Ngọc Châu	417220173	03/09/2004	22CNJ02	1	2 (A402)
29	181029	Phạm Thị Minh Châu	417220272	22/01/2004	22CNTL01	1	2 (A402)
30	181030	Trịnh Thái Châu	417220039	04/06/2004	22CNH02	1	2 (A402)
31	181031	Đoàn Thị Kim Chi	411170055	28/10/1999	17CNA08	1	2 (A402)
32	181032	Nguyễn Quỳnh Chi	411220233	20/07/2004	22CNA07	1	2 (A402)
33	181033	Nguyễn Thị Bảo Chi	411220415	22/03/2004	22CNACLC02	1	2 (A402)
34	181034	Nguyễn Thị Kim Chi	417220138	18/04/2004	22CNJ01	1	2 (A402)
35	181035	Trần Hoàng Linh Đa	415220072	25/01/2004	22CNTDL01	1	2 (A402)
36	181036	Nguyễn Thị Hải Đăng	411220044	07/09/2004	22CNA02	1	2 (A402)
37	181037	Đặng Lê Anh Đạt	411230428	09/10/2005	23CNA11	1	2 (A402)
38	181038	Bùi Thúy Diễm	412220190	24/06/2004	22CNATMCLC01	1	2 (A402)
39	181039	Hoàng Thị Ngọc Diệp	412210266	05/03/2003	21CNATMCLC03	1	2 (A402)
40	181040	Nguyễn Ngọc Diệp	416220077	21/03/2004	22CNDPHCLC01	1	2 (A402)
41	181041	KSor H' Điệp	412171172	08/08/1998	17CNADL04	1	2 (A402)
42	181042	Lê Phương Diệu	417220040	24/08/2004	22CNH02	1	2 (A402)
43	181043	Huỳnh Phúc Hạnh Đoan	411200675	14/05/2002	20CNACLC05	1	2 (A402)
44	181044	Nguyễn Vy Khánh Đoan	411220389	11/06/2004	22CNACLC01	1	2 (A402)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
45	181045	Trần Khánh Đoan	417220076	01/01/2004	22CNH03	1	2 (A402)
46	181046	Đỗ Thị Kim Dung	411210335	27/09/2003	21CNA06	1	2 (A402)
47	181047	Hồ Trinh Phương Dung	412170086	24/10/1999	17CNADL02	1	2 (A402)
48	181048	Ngô Thị Dung	411210419	14/08/2003	21CNA08	1	2 (A402)
49	181049	Nguyễn Thị Dung	411220273	08/07/2004	22CNA08	1	2 (A402)
50	181050	Nguyễn Thị Thùy Dung	411220006	28/01/2004	22CNA01	1	2 (A402)
51	181051	Thái Thị Dung	412200167	26/10/2002	20CNATM02	1	2 (A402)
52	181052	Trần Thị Phan Dung	412210267	25/01/2003	21CNATMCLC03	1	2 (A402)
53	181053	Trần Thị Phương Dung	411200589	15/06/2002	20CNACLC02	1	2 (A402)
54	181054	Trần Thị Thùy Dung	412210045	08/04/2003	21CNADL02	1	2 (A402)
55	181055	Võ Thị Kim Dung	412220112	14/09/2004	22CNATM01	1	3 (A403)
56	181056	Võ Thị Thùy Dung	412170840	26/12/1999	17CNATMCLC01	1	3 (A403)
57	181057	Hoàng Việt Dũng	411210649	11/04/2003	21CNACLC03	1	3 (A403)
58	181058	Nguyễn Vũ Dương	419220025	07/07/2004	22SPA02	1	3 (A403)
59	181059	Hoàng Thị Mỹ Duyên	412220006	23/01/2004	22CNADL01	1	3 (A403)
60	181060	Lê Mỹ Duyên	417230005	04/11/2005	23CNH01	1	3 (A403)
61	181061	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	411230079	05/04/2005	23CNA02	1	3 (A403)
62	181062	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	417220005	14/09/2004	22CNH01	1	3 (A403)
63	181063	Nguyễn Thị Quý Duyên	411210679	01/09/2003	21CNACLC04	1	3 (A403)
64	181064	Phạm Mỹ Duyên	417220006	22/05/2004	22CNH01	1	3 (A403)
65	181065	Võ Thị Hoài Duyên	416220107	28/11/2004	22CNQTH01	1	3 (A403)
66	181066	Đoàn Thị Châu Giang	417220210	10/02/2004	22CNJCLC01	1	3 (A403)
67	181067	La Thị Hương Giang	419220047	07/04/2004	22SPP01	1	3 (A403)
68	181068	Nguyễn Thị Giang	411220350	19/08/2004	22CNA10	1	3 (A403)
69	181069	Nguyễn Thị Hương Giang	419220046	16/05/2004	22SPP01	1	3 (A403)
70	181070	Trần Thị Giang	417220007	10/01/2004	22CNH01	1	3 (A403)
71	181071	Trần Thị Hương Giang	411220007	07/04/2004	22CNA01	1	3 (A403)
72	181072	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	411210338	12/07/2003	21CNA06	1	3 (A403)
73	181073	Trần Thị Quý Giàu	411210296	23/02/2003	21CNA05	1	3 (A403)
74	181074	Bùi Hồng Hà	412220115	07/05/2004	22CNATM01	1	3 (A403)
75	181075	Bùi Thị Thanh Hà	417220079	19/12/2004	22CNH03	1	3 (A403)
76	181076	Đinh Thị Hà	417220233	01/07/2004	22CNJTM01	1	3 (A403)
77	181077	Lê Thanh Nhật Hà	416220032	07/04/2004	22CNDPH01	1	3 (A403)
78	181078	Mai Thị Hải Hà	414220009	16/05/2004	22CNN01	1	3 (A403)
79	181079	Nguyễn Trần Hoài Diệu Hà	412230048	26/02/2005	23CNADL02	1	3 (A403)
80	181080	Phùng Ngọc Hà	417220274	28/06/2004	22CNTL01	1	3 (A403)
81	181081	Trương Thúy Hà	416220033	21/07/2004	22CNDPH01	1	3 (A403)
82	181082	Huỳnh Thị Ngọc Hân	412220154	10/05/2004	22CNATM02	1	4 (B401)
83	181083	Lê Nguyễn Gia Hân	413220062	23/05/2004	22CNPTTSK01	1	4 (B401)
84	181084	Nguyễn Lê Gia Hân	412220245	06/03/2004	22CNATMCLC03	1	4 (B401)
85	181085	Nguyễn Ngọc Hân	411200590	10/07/2002	20CNACLC02	1	4 (B401)
86	181086	Phạm Nguyễn Bảo Hân	416220148	19/09/2004	22CNQTH02	1	4 (B401)
87	181087	Bùi Thị Thúy Hằng	412220221	23/11/2004	22CNATMCLC02	1	4 (B401)
88	181088	Đỗ Thị Thúy Hằng	412180709	15/07/2000	18CNATMCLC02	1	4 (B401)
89	181089	Lê Thị Kim Hằng	417220275	20/08/2004	22CNTL01	1	4 (B401)
90	181090	Phạm Nguyễn Thúy Hằng	411220163	02/07/2004	22CNA05	1	4 (B401)
91	181091	Trần Lê Nhật Hằng	417220177	12/07/2004	22CNJ02	1	4 (B401)
92	181092	Lê Mỹ Hạnh	417220045	16/03/2004	22CNH02	1	4 (B401)
93	181093	Nguyễn Hiếu Hạnh	417220113	02/10/2004	22CNHCLC01	1	4 (B401)
94	181094	Nguyễn Hồng Phương Hạnh	411220517	08/11/2004	22CNATT02	1	4 (B401)
95	181095	Nguyễn Thị Hạnh	412210239	11/03/2003	21CNATMCLC02	1	4 (B401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
96	181096	Trần Mỹ Hạnh	412220246	23/05/2004	22CNATMCLC03	1	4 (B401)
97	181097	Trần Thị Hạnh	411180716	14/02/2000	18CNACLC03	1	4 (B401)
98	181098	Nguyễn Phương Hào	417220081	02/01/2004	22CNH03	1	4 (B401)
99	181099	Trần Thị Diễm Hào	417220010	19/03/2004	22CNH01	1	4 (B401)
100	181100	Huỳnh Thị Thanh Hiền	411210711	11/03/2003	21CNACLC05	1	4 (B401)
101	181101	Lê Bích Hiền	417220047	14/05/2004	22CNH02	1	4 (B401)
102	181102	Lê Thị Thanh Hiền	412220274	09/07/2004	22CNATMCLC04	1	4 (B401)
103	181103	Mai Thủy Thu Hiền	411170184	17/07/1999	17CNA04	1	4 (B401)
104	181104	Nguyễn Thị Diệu Hiền	412210010	02/11/2003	22CNADL01	1	4 (B401)
105	181105	Nguyễn Thị Thu Hiền	419230031	26/09/2005	23SPP01	1	4 (B401)
106	181106	Trần Hiền	412210009	01/12/2003	21CNADL01	1	4 (B401)
107	181107	Võ Thu Hiền	416220039	25/08/2004	22CNDPH01	1	4 (B401)
108	181108	Võ Thanh Hiền	411210553	20/09/2003	21CNATT01	1	4 (B401)
109	181109	Phạm Quang Hiệp	411200483	01/02/2002	20CNA11	1	5 (B402)
110	181110	Hồ Thị Hoa	415220112	10/04/2004	22CNTTM01	1	5 (B402)
111	181111	Huỳnh Thị Quỳnh Hoa	412180206	09/11/2000	18CNATM02	1	5 (B402)
112	181112	Phan Thị Khánh Hòa	417220276	17/06/2004	22CNTL01	1	5 (B402)
113	181113	Phí Thị Thu Hoài	411190563	06/07/2001	19CNACLC03	1	5 (B402)
114	181114	Hồ Thị Hoàng	417210085	01/09/2003	22CNH01	1	5 (B402)
115	181115	Nguyễn Việt Hoàng	411200485	16/02/2002	20CNA11	1	5 (B402)
116	181116	Trần Văn Phi Hoàng	412210011	03/03/2003	21CNADL01	1	5 (B402)
117	181117	Lê Thị Thu Hồng	411220126	29/09/2004	22CNA04	1	5 (B402)
118	181118	Nguyễn Thị Khánh Hồng	411220164	08/10/2004	22CNA05	1	5 (B402)
119	181119	Nguyễn Thị Huệ	411210653	11/07/2003	21CNACLC03	1	5 (B402)
120	181120	Đinh Thiên Hương	411230317	02/10/2005	23CNA08	1	5 (B402)
121	181121	Dương Thị Thu Hương	411210510	02/08/2003	21CNA10	1	5 (B402)
122	181122	Lương Thị Hồng Hương	412220119	30/04/2004	22CNATM01	1	5 (B402)
123	181123	Nguyễn Thị Diễm Hương	416210193	10/08/2003	21CNQTHCLC01	1	5 (B402)
124	181124	Nguyễn Thị Thu Hương	412170230	04/07/1999	17CNATM01	1	5 (B402)
125	181125	Trần Thị Hồng Hương	413220064	01/04/2004	22CNPTTSK01	1	5 (B402)
126	181126	Chu Thị Thanh Huyền	411220052	27/01/2004	22CNA02	1	5 (B402)
127	181127	Lê Nguyễn Diễm Huyền	416220079	08/01/2004	22CNDPHCLC01	1	5 (B402)
128	181128	Mai Khánh Huyền	412210272	22/07/2003	21CNATMCLC03	1	5 (B402)
129	181129	Nguyễn Thị Huyền	416220040	16/08/2004	22CNDPH01	1	5 (B402)
130	181130	Nguyễn Thị Huyền	412220223	02/01/2004	22CNATMCLC02	1	5 (B402)
131	181131	Nguyễn Thị Bích Huyền	419220061	27/08/2004	22SPT01	1	5 (B402)
132	181132	Phan Nguyễn Thanh Huyền	415220047	14/10/2004	22CNTDL01	1	5 (B402)
133	181133	Phan Thanh Huyền	412220050	04/07/2004	22CNADL02	1	5 (B402)
134	181134	Phan Thị Huyền	411220203	10/09/2004	22CNA06	1	5 (B402)
135	181135	Trần Thị Hải Huyền	411190131	19/04/2001	19CNA04	1	5 (B402)
136	181136	Trần Thu Huyền	417230157	24/10/2004	23CNJ02	1	6 (B403)
137	181137	Lê Nguyên Khang	411170907	22/10/1999	17CNACLC04	1	6 (B403)
138	181138	Lê Nguyên Khanh	416220187	18/02/2004	22CNQTHCLC01	1	6 (B403)
139	181139	Lê Thị Vân Khánh	411200594	19/08/2002	20CNACLC02	1	6 (B403)
140	181140	Nguyễn Như Khánh	417220179	13/04/2004	22CNJ02	1	6 (B403)
141	181141	Phạm Minh Khuê	411230551	20/03/2005	23CNA14	1	6 (B403)
142	181142	Hồ Thị Liên Khương	412220051	07/10/2004	22CNADL02	1	6 (B403)
143	181143	Nguyễn Thị Kiều	412190582	20/05/2001	19CNATMCLC04	1	6 (B403)
144	181144	Phạm Thị Nhi Kiều	412220303	19/12/2004	22CNATMĐT01	1	6 (B403)
145	181145	Trương Như Kiều	417220084	21/12/2004	22CNH03	1	6 (B403)
146	181146	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	411170916	05/06/1999	17CNACLC01	1	6 (B403)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
147	181147	Lê Thục Lam	412220159	10/09/2004	22CNATM02	1	6 (B403)
148	181148	Trịnh Thị Mỹ Lan	411210512	06/08/2003	21CNA10	1	6 (B403)
149	181149	Huỳnh Thị Trúc Lê	411190154	01/02/2001	19CNA04	1	6 (B403)
150	181150	Nguyễn Thị Lệ	412220086	01/11/2004	22CNADLCLC01	1	6 (B403)
151	181151	Bùi Trúc Linh	411210716	30/07/2003	21CNACLCLC05	1	6 (B403)
152	181152	Đỗ Thị Phương Linh	419220010	02/10/2004	22SPA01	1	6 (B403)
153	181153	Dương Thị Thùy Linh	417220124	10/02/2004	22CNHCLC01	1	6 (B403)
154	181154	Hồ Thị Duy Linh	412220124	01/01/2004	22CNATM01	1	6 (B403)
155	181155	Hồ Thị Thùy Linh	417220123	26/09/2004	22CNHCLC01	1	6 (B403)
156	181156	Lê Huyền Linh	411200120	27/01/2002	20CNA02	1	6 (B403)
157	181157	Lê Mai Linh	417220236	15/01/2004	22CNJTM01	1	6 (B403)
158	181158	Lê Thị Huyền Linh	412220250	25/01/2004	22CNATMCLC03	1	6 (B403)
159	181159	Lê Thị Khánh Linh	411180774	11/07/2000	18CNACLCLC06	1	6 (B403)
160	181160	Lê Thị Thùy Linh	411180775	08/04/2000	18CNACLCLC03	1	6 (B403)
161	181161	Lê Việt Linh	411210745	15/06/2003	21CNACLCLC06	1	6 (B403)
162	181162	Ngô Thị Mỹ Linh	411220054	10/08/2004	22CNA02	1	6 (B403)
163	181163	Nguyễn Hồ Gia Linh	411220358	21/11/2004	22CNA10	1	7 (C402)
164	181164	Nguyễn Khánh Linh	411220520	29/08/2004	22CNATT02	1	7 (C402)
165	181165	Nguyễn Thị Thuý Linh	411200712	12/09/2002	20CNACLCLC06	1	7 (C402)
166	181166	Phạm Thị Diệu Linh	412220122	22/04/2004	22CNATM01	1	7 (C402)
167	181167	Võ Nhật Khánh Linh	412220162	10/05/2004	22CNATM02	1	7 (C402)
168	181168	Lê Thị Loan	412220125	12/06/2004	22CNATM01	1	7 (C402)
169	181169	Lê Thị Kiều Loan	416220153	23/06/2004	22CNQTH02	1	7 (C402)
170	181170	Nguyễn Thị Loan	411180783	11/03/2000	18CNACLCLC02	1	7 (C402)
171	181171	Phạm Thị Lợi	411200291	21/03/2002	20CNA06	1	7 (C402)
172	181172	Bùi Thị Hiền Lương	419220032	02/06/2004	22SPA02	1	7 (C402)
173	181173	Đinh Thị Mai Lưu	411200598	23/01/2002	20CNACLCLC02	1	7 (C402)
174	181174	Lê Diệu Ly	415220017	01/01/2004	22CNTTM02	1	7 (C402)
175	181175	Phan Khánh Ly	417230090	19/05/2005	23CNH03	1	7 (C402)
176	181176	Trần Thị Thảo Ly	419220011	08/01/2004	22SPA01	1	7 (C402)
177	181177	Triệu Ly	416220049	25/01/2004	22CNDPH01	1	7 (C402)
178	181178	Nguyễn Thị Minh Lý	417220087	28/05/2004	22CNH03	1	7 (C402)
179	181179	Lê Như Mai	411200713	23/11/2002	20CNACLCLC06	1	7 (C402)
180	181180	Nguyễn Ngọc Mai	417220016	18/04/2004	22CNH01	1	7 (C402)
181	181181	Nguyễn Trần Phương Mai	412220227	20/08/2004	22CNATMCLC02	1	7 (C402)
182	181182	Phạm Thị Ngọc Mai	411200168	29/05/2002	21CNA03	1	7 (C402)
183	181183	Trần Thị Thanh Mai	417220241	07/02/2004	22CNJTM01	1	7 (C402)
184	181184	Trương Hoàng Xuân Mai	411220484	15/09/2004	22CNATT01	1	7 (C402)
185	181185	Bùi Khắc Tuệ Mẫn	411210598	24/11/2003	21CNACLCLC01	1	7 (C402)
186	181186	Đoàn Thị Mẫn	412220165	05/08/2004	22CNATM02	1	7 (C402)
187	181187	Lò Thị Mận	411220246	22/12/2004	22CNA07	1	7 (C402)
188	181188	Nguyễn Thị Mến	411180317	21/12/2000	18CNA07	1	7 (C402)
189	181189	Trần Hà Mi	411220284	30/03/2004	22CNA08	1	7 (C402)
190	181190	Đỗ Nhật Minh	412220054	30/08/2004	22CNADL02	1	8 (C401)
191	181191	Lê Trần Ánh Minh	412210187	12/08/2003	21CNADLCLC01	1	8 (C401)
192	181192	Lê Vũ Nhật Minh	411230401	10/12/2005	23CNA10	1	8 (C401)
193	181193	Đỗ Thảo My	411190629	09/02/2001	19CNACLCLC06	1	8 (C401)
194	181194	Huỳnh Bùi Kiều My	411210628	18/12/2003	21CNACLCLC02	1	8 (C401)
195	181195	Lê Nguyễn Thảo My	414220049	07/07/2004	22CNNDL01	1	8 (C401)
196	181196	Nguyễn Hà My	411220095	23/08/2004	22CNA03	1	8 (C401)
197	181197	Nguyễn Lê Hoàng My	412220254	23/05/2004	22CNATMCLC03	1	8 (C401)

TT	SBD	Họ và tên		Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
198	181198	Nguyễn Thị Diệu	My	412180803	07/03/2000	18CNATMCLC02	1	8 (C401)
199	181199	Nguyễn Thị Kiều	My	411210474	07/11/2003	21CNA09	1	8 (C401)
200	181200	Phan Yên	My	416220116	24/03/2004	22CNQTH01	1	8 (C401)
201	181201	Trịnh Thị Trà	My	412210148	29/03/2003	21CNATM02	1	8 (C401)
202	181202	Bùi Thị Ly	Na	411220323	22/12/2004	23CNA09	1	8 (C401)
203	181203	Dương Thị Li	Na	412210104	06/10/2003	21CNATM01	1	8 (C401)
204	181204	Hồ Li	Na	417220279	08/03/2004	22CNTL01	1	8 (C401)
205	181205	Nguyễn Kiều Ly	Na	412220282	30/07/2004	22CNATMCLC04	1	8 (C401)
206	181206	Trần Thị	Na	411200373	15/05/2002	20CNA08	1	8 (C401)
207	181207	Trần Thị Lê	Na	411220247	03/02/2004	22CNA07	1	8 (C401)
208	181208	Võ Thị Kiều	Na	412220015	05/03/2004	22CNADL01	1	8 (C401)
209	181209	Nguyễn Thị	Nam	417210170	24/10/2003	22CNHCLC01	1	8 (C401)
210	181210	Rơ Châm	Nên	411210659	18/02/2003	21CNACLC03	1	8 (C401)
211	181211	Nguyễn Thị Thanh	Nga	416220082	21/11/2004	22CNDPHCLC01	1	8 (C401)
212	181212	Nguyễn Thị Thiên	Nga	417220018	27/05/2004	22CNH01	1	8 (C401)
213	181213	Nguyễn Thị Thúy	Nga	417220183	05/01/2004	22CNJ02	1	8 (C401)
214	181214	Phạm Thị	Nga	412210058	20/07/2003	21CNADL02	1	8 (C401)
215	181215	Trần Thiên	Nga	411200657	02/09/2002	20CNACLC04	1	8 (C401)
216	181216	Chế Thị Kim	Ngân	411170961	28/08/1999	17CNACLC05	1	8 (C401)
217	181217	Dương Thị	Ngân	412220256	07/07/2004	22CNATMCLC03	1	9 (C404)
218	181218	Lê Thị	Ngân	417220054	06/03/2004	22CNH02	1	9 (C404)
219	181219	Lê Thị Thu	Ngân	412220307	13/06/2004	22CNATMĐT01	1	9 (C404)
220	181220	Phạm Thị Kim	Ngân	412200318	10/08/2002	20CNATMCLC03	1	9 (C404)
221	181221	Phan Nguyễn Bảo	Ngân	412220255	15/05/2004	22CNATMCLC03	1	9 (C404)
222	181222	Trần Thị Thanh	Ngân	411210748	20/05/2003	21CNACLC06	1	9 (C404)
223	181223	Trần Thị Thanh	Ngân	416220205	31/01/2004	22CNQTH01	1	9 (C404)
224	181224	Trần Thị Tuyết	Ngân	411220362	16/06/2004	22CNA10	1	9 (C404)
225	181225	Trương Thị Bảo	Ngân	412220016	17/07/2004	22CNADL01	1	9 (C404)
226	181226	Võ Hữu Thái	Ngân	411220249	06/02/2004	22CNA07	1	9 (C404)
227	181227	Đỗ Thị Mẫn	Nghi	412220057	29/01/2004	22CNADL02	1	9 (C404)
228	181228	Hồ Thị Phương	Nghi	417220150	24/06/2004	22CNJ01	1	9 (C404)
229	181229	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	411220020	16/06/2004	22CNA01	1	9 (C404)
230	181230	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	411170374	08/01/1999	17CNA03	1	9 (C404)
231	181231	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	411220288	15/06/2004	22CNA08	1	9 (C404)
232	181232	Trần Nguyễn Bảo	Ngọc	412220167	19/08/2004	22CNATM02	1	9 (C404)
233	181233	Trần Thị Bảo	Ngọc	411210477	01/01/2003	21CNA09	1	9 (C404)
234	181234	Trịnh Phan Nguyên	Ngọc	411220489	13/12/2004	22CNATT01	1	9 (C404)
235	181235	Văn Thị Linh	Ngọc	415220187	18/02/2004	22CNTCLC01	1	9 (C404)
236	181236	Lê Đoàn Trang	Nguyên	412220130	23/07/2004	22CNATM01	1	9 (C404)
237	181237	Nguyễn Phan Thảo	Nguyên	415220022	25/12/2004	22CNT01	1	9 (C404)
238	181238	Nguyễn Văn	Nguyên	416220119	13/04/2004	22CNQTH01	1	9 (C404)
239	181239	Phạm Phương	Nguyên	412220017	23/06/2004	22CNADL01	1	9 (C404)
240	181240	Phan Thảo	Nguyên	412210060	01/01/2003	21CNADL02	1	9 (C404)
241	181241	Tổng Khánh	Nguyên	416220088	29/02/2004	22CNDPHCLC01	1	9 (C404)
242	181242	Lê Thị Minh	Nguyệt	412200182	19/11/2002	20CNATM02	1	9 (C404)
243	181243	Ngô Thị Minh	Nguyệt	411210226	12/04/2003	21CNA03	1	9 (C404)
244	181244	Nguyễn Thị Xuân	Nguyệt	411170395	16/07/1999	17CNA10	2	10 (A401)
245	181245	Phạm Minh	Nguyệt	411190673	12/07/2001	19CNACLC04	2	10 (A401)
246	181246	Thái Thị Minh	Nguyệt	419220036	08/07/2004	22SPA02	2	10 (A401)
247	181247	Trần Thị Minh	Nguyệt	411200250	03/10/2002	20CNA05	2	10 (A401)
248	181248	Nguyễn Trần Minh	Nhật	417220127	13/12/2004	22CNHCLC01	2	10 (A401)

TT	SBD	Họ và tên		Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
249	181249	Huỳnh Thị Uyên	Nhi	412220060	10/04/2004	22CNADL02	2	10 (A401)
250	181250	Lê Thị Hồng	Nhi	411200537	09/08/2002	20CNA12	2	10 (A401)
251	181251	Lê Thị Thảo	Nhi	411220252	07/05/2004	22CNA07	2	10 (A401)
252	181252	Lê Thị Thảo	Nhi	412220059	08/03/2004	22CNADL02	2	10 (A401)
253	181253	Mlô Yến	Nhi	411220493	12/11/2004	22CNATT01	2	10 (A401)
254	181254	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	411220022	19/05/2004	22CNA01	2	10 (A401)
255	181255	Nguyễn Linh	Nhi	411200600	20/06/2002	20CNACLC02	2	10 (A401)
256	181256	Nguyễn Phạm Quỳnh	Nhi	417210173	25/05/2003	22CNHCLC01	2	10 (A401)
257	181257	Phan Thị Hoài	Nhi	417220091	18/05/2004	22CNH03	2	10 (A401)
258	181258	Trà Thiên Huyền	Nhi	412200354	02/07/2002	20CNATMCLC04	2	10 (A401)
259	181259	Trần Lê Phương	Nhi	412210190	19/01/2003	21CNADLCLC01	2	10 (A401)
260	181260	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	411220457	01/05/2004	22CNACLC03	2	10 (A401)
261	181261	Trần Phương	Nhi	412220258	02/07/2004	22CNATMCLC03	2	10 (A401)
262	181262	Trần Thị Quỳnh	Nhi	417220055	11/06/2004	22CNH02	2	10 (A401)
263	181263	Vô Yến	Nhi	411230250	20/07/2005	23CNA06	2	10 (A401)
264	181264	Nguyễn Thị Kiều	Nhiên	411210479	17/04/2003	21CNA09	2	10 (A401)
265	181265	Lê Thị Ngọc	Như	412220062	18/05/2004	22CNADL02	2	10 (A401)
266	181266	Nguyễn Ngọc	Như	411220101	18/03/2004	22CNA03	2	10 (A401)
267	181267	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	415220162	29/09/2004	22CNTTM01	2	10 (A401)
268	181268	Hách Thị Hồng	Nhung	411200299	31/08/2002	20CNA06	2	10 (A401)
269	181269	Lương Thị Thanh	Nhung	411170446	19/03/1999	17CNA03	2	10 (A401)
270	181270	Lý Thị	Nhung	415220127	20/02/2004	22CNTTM01	2	10 (A401)
271	181271	Phan Thị Thùy	Nhung	411220329	17/09/2004	22CNA09	2	11 (A402)
272	181272	Phòng Thái	Ni	412220232	28/07/2004	22CNATMCLC02	2	11 (A402)
273	181273	Ngô Thị	Oanh	417220020	11/01/2004	22CNH01	2	11 (A402)
274	181274	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	412220171	14/06/2004	22CNATM02	2	11 (A402)
275	181275	Đoàn Đình	Phát	412230026	22/02/2005	23CNADL01	2	11 (A402)
276	181276	Lê Hoàng Nhật	Phi	411220102	02/09/2004	22CNA03	2	11 (A402)
277	181277	Văn Thanh	Phong	411230096	07/12/2005	23CNA02	2	11 (A402)
278	181278	Phạm Công	Phú	412210280	12/10/2003	21CNATMCLC03	2	11 (A402)
279	181279	Lê Bá	Phúc	411210187	11/03/2003	21CNA02	2	11 (A402)
280	181280	Nguyễn Thiên An	Phúc	412220260	29/02/2004	22CNATMCLC03	2	11 (A402)
281	181281	Nguyễn Trịnh Hồng	Phúc	411210605	09/08/2003	21CNACLC01	2	11 (A402)
282	181282	Phạm Thị Ngọc	Phúc	419220017	16/11/2004	22SPA01	2	11 (A402)
283	181283	Nguyễn Thị Kim	Phụng	416220163	18/07/2004	22CNQTH02	2	11 (A402)
284	181284	Lê Thị Mỹ	Phương	417220021	01/01/2004	22CNH01	2	11 (A402)
285	181285	Lê Thị Như	Phương	411210724	11/07/2003	21CNACLC05	2	11 (A402)
286	181286	Lê Trần Lam	Phương	411220495	08/02/2004	22CNATT01	2	11 (A402)
287	181287	Mai Thị Minh	Phương	411230561	16/09/2005	23CNA14	2	11 (A402)
288	181288	Ngô Thị Thanh	Phương	412220064	03/10/2004	22CNADL02	2	11 (A402)
289	181289	Nguyễn Hà	Phương	417220092	17/04/2004	22CNH03	2	11 (A402)
290	181290	Nguyễn Mai	Phương	417220247	30/10/2004	22CNJTM01	2	11 (A402)
291	181291	Phạm Thị Ánh	Phương	419220065	01/05/2004	22SPT01	2	11 (A402)
292	181292	Trần Thị	Phương	411210567	20/03/2003	21CNATT01	2	11 (A402)
293	181293	Vô Thị Thu	Phương	412210112	10/03/2003	21CNATM01	2	11 (A402)
294	181294	Lê Thị Hồng	Phượng	412220172	24/03/2004	22CNATM02	2	11 (A402)
295	181295	Phạm Thị	Phượng	411220292	30/08/2003	22CNA08	2	11 (A402)
296	181296	Phạm Thị Hồng	Phượng	411210695	29/04/2003	21CNACLC04	2	11 (A402)
297	181297	Phan Thị	Phượng	411180872	26/12/1999	18CNACLC03	2	11 (A402)
298	181298	Lê Nguyễn Diễm	Quyên	417220248	30/09/2004	22CNJTM01	2	12 (A403)
299	181299	Mai Thị Lệ	Quyên	411210755	28/09/2003	21CNACLC06	2	12 (A403)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
300	181300	Ngô Hà Khánh	Quyên	412200142	01/06/2002	21CNATM01	2	12 (A403)
301	181301	Nguyễn Mỹ	Quyên	412200294	05/02/2002	20CNATMCLC02	2	12 (A403)
302	181302	Nguyễn Phạm Hải	Quyên	417220022	19/02/2004	22CNH01	2	12 (A403)
303	181303	Trần Đăng Bảo	Quyên	411200661	13/04/2002	20CNACLC04	2	12 (A403)
304	181304	Trần Thị Ánh	Quyên	412200263	20/08/2002	20CNATMCLC01	2	12 (A403)
305	181305	Cao Thị Như	Quỳnh	411200664	28/04/2002	20CNACLC04	2	12 (A403)
306	181306	Chu Thị	Quỳnh	411181001	08/12/1999	18CNA09	2	12 (A403)
307	181307	Đoàn Thị Nhật	Quỳnh	416220057	21/02/2004	22CNDPH01	2	12 (A403)
308	181308	Lê Thị Như	Quỳnh	417210134	09/04/2003	22CNH02	2	12 (A403)
309	181309	Lương Thị Diễm	Quỳnh	412210282	09/07/2003	21CNATMCLC03	2	12 (A403)
310	181310	Nguyễn Lê Trúc	Quỳnh	416220091	07/10/2004	22CNDPHCLC01	2	12 (A403)
311	181311	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	411220026	10/12/2004	22CNA01	2	12 (A403)
312	181312	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	416220165	26/02/2004	22CNQTH02	2	12 (A403)
313	181313	Thái Cẩm	Quỳnh	412220066	10/08/2004	22CNADL02	2	12 (A403)
314	181314	Trần Thị Diễm	Quỳnh	411230682	02/08/2005	23CNATT02	2	12 (A403)
315	181315	Trần Thị Ngọc	Quỳnh	417220094	06/02/2004	22CNH03	2	12 (A403)
316	181316	Vũ Thị Như	Quỳnh	411210696	26/06/2003	21CNACLC04	2	12 (A403)
317	181317	Kpă H’	Rawi	412200209	01/11/2001	20CNATM03	2	12 (A403)
318	181318	Trần Nguyễn Tuệ	San	411220143	24/06/2004	22CNA04	2	12 (A403)
319	181319	Lê Thị	Sang	411220181	20/06/2004	22CNA05	2	12 (A403)
320	181320	Huỳnh Ngọc Quang	Son	411230062	13/06/2005	23CNA01	2	12 (A403)
321	181321	Cao Tô	Tâm	411210756	19/01/2003	21CNACLC06	2	12 (A403)
322	181322	Huỳnh Minh	Tâm	411171048	23/12/1999	17CNACLC06	2	12 (A403)
323	181323	Nguyễn Thị Thùy	Tâm	411170529	10/07/1999	17CNA10	2	12 (A403)
324	181324	Đỗ Hồng	Thắm	412210312	21/11/2003	21CNATMCLC04	2	12 (A403)
325	181325	Mai Thị	Thắm	411220535	25/07/2004	22CNATT02	2	13 (B401)
326	181326	Phan Thị Hồng	Thắm	411210444	25/02/2003	21CNA08	2	13 (B401)
327	181327	Bạch Thái	Thanh	411171054	12/02/1999	17CNACLC06	2	13 (B401)
328	181328	Bùi Thị	Thanh	419220039	20/08/2004	22SPA02	2	13 (B401)
329	181329	Bùi Văn	Thanh	411220067	20/03/2004	22CNA02	2	13 (B401)
330	181330	Lưu Quốc	Thanh	411200342	05/02/2002	20CNA07	2	13 (B401)
331	181331	Phan Nguyễn Đan	Thanh	417220251	14/10/2003	22CNJTM01	2	13 (B401)
332	181332	Bùi Thị Phương	Thảo	411220296	14/08/2004	22CNA08	2	13 (B401)
333	181333	Đỗ Thị Thu	Thảo	411220297	02/04/2004	22CNA08	2	13 (B401)
334	181334	Hồ Lê Kim	Thảo	411210488	02/11/2003	21CNA09	2	13 (B401)
335	181335	Hồ Thị Phương	Thảo	411220536	24/08/2004	22CNATT02	2	13 (B401)
336	181336	Hoàng Ngọc Phương	Thảo	417220253	11/04/2004	22CNJTM01	2	13 (B401)
337	181337	Huỳnh Nguyễn Diệu	Thảo	412200331	18/02/2002	20CNATMCLC03	2	13 (B401)
338	181338	Lê Phương	Thảo	411220497	23/02/2004	22CNATT01	2	13 (B401)
339	181339	Nguyễn Nguyên	Thảo	417220060	17/04/2004	22CNH02	2	13 (B401)
340	181340	Nguyễn Thị Phương	Thảo	411220182	17/05/2004	22CNA05	2	13 (B401)
341	181341	Nguyễn Thị Phương	Thảo	419220018	07/02/2004	22SPA01	2	13 (B401)
342	181342	Phạm Thị Thanh	Thảo	411220069	21/10/2004	22CNA02	2	13 (B401)
343	181343	Phan Thanh	Thảo	411200135	08/08/2002	20CNA02	2	13 (B401)
344	181344	Phan Thị Thanh	Thảo	412200234	02/05/2002	20CNATM03	2	13 (B401)
345	181345	Phương Thị	Thảo	411210237	05/11/2003	22CNA03	2	13 (B401)
346	181346	Trần Phương	Thảo	411220461	20/06/2004	22CNACLC03	2	13 (B401)
347	181347	Trần Thị	Thảo	411220220	10/01/2004	22CNA06	2	13 (B401)
348	181348	Trần Thị Thanh	Thảo	411171058	27/12/1999	17CNACLC02	2	13 (B401)
349	181349	Hoàng Khánh	Thi	412210285	17/10/2003	21CNATMCLC03	2	13 (B401)
350	181350	Hoàng Nguyễn Khánh	Thi	416220129	21/09/2004	22CNQTH01	2	13 (B401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
351	181351	Nguyễn Ngọc Bảo Thi	411210728	18/11/2003	21CNACLC05	2	14 (B402)
352	181352	Nguyễn Thị Tây Thi	417220026	05/06/2004	22CNH01	2	14 (B402)
353	181353	Nguyễn Võ Thi Thi	415220194	19/04/2004	22CNTCLC01	2	14 (B402)
354	181354	Phạm Thị Bích Thiện	416220060	05/12/2004	22CNDPH01	2	14 (B402)
355	181355	Nguyễn Lương Thị Kim Thoa	412220138	08/06/2004	22CNATM01	2	14 (B402)
356	181356	Nguyễn Thị Kim Thoa	411210573	28/06/2003	21CNATT01	2	14 (B402)
357	181357	Đỗ Hà Anh Thư	412220209	27/09/2004	22CNATMCLC01	2	14 (B402)
358	181358	Đỗ Thị Anh Thư	411171068	25/12/1999	17CNACLC04	2	14 (B402)
359	181359	Nguyễn Hoàng Anh Thư	411220223	06/04/2004	22CNA06	2	14 (B402)
360	181360	Nguyễn Thị Anh Thư	411220109	22/06/2004	22CNA03	2	14 (B402)
361	181361	Nguyễn Thị Minh Thư	417210108	25/04/2003	22CNH01	2	14 (B402)
362	181362	Nguyễn Thị Minh Thư	412220263	14/01/2004	22CNATMCLC03	2	14 (B402)
363	181363	Phạm Anh Thư	412220030	05/07/2004	22CNADL01	2	14 (B402)
364	181364	Phạm Quỳnh Thư	412210225	21/02/2003	21CNATMCLC01	2	14 (B402)
365	181365	Phạm Thanh Thư	412220071	13/11/2004	22CNADL02	2	14 (B402)
366	181366	Nguyễn Anh Thuận	417220254	15/09/2004	22CNJTM01	2	14 (B402)
367	181367	Hồ Thị Thương	411220336	24/03/2004	22CNA09	2	14 (B402)
368	181368	Ngô Hoài Thương	412220325	17/12/2004	22CNATMĐT01	2	14 (B402)
369	181369	Nguyễn Thị Thương	411220071	16/07/2004	22CNA02	2	14 (B402)
370	181370	Nguyễn Thị Hoài Thương	417220028	09/08/2004	22CNH01	2	14 (B402)
371	181371	Nguyễn Thị Hoài Thương	412220179	09/03/2004	22CNATM02	2	14 (B402)
372	181372	Hồ Thị Thu Thúy	412190768	01/06/2001	19CNATMCLC01	2	14 (B402)
373	181373	Nguyễn Lê Diệu Thúy	411220148	29/03/2004	22CNA04	2	14 (B402)
374	181374	Trần Thị Ngọc Thúy	412210257	02/01/2003	21CNATMCLC02	2	14 (B402)
375	181375	Đào Phương Thủy	411220433	28/04/2004	22CNACLC02	2	14 (B402)
376	181376	Đỗ Thị Thanh Thủy	411200720	08/01/2002	20CNACLC06	2	14 (B402)
377	181377	Nguyễn Thị Thủy	411220501	11/10/2004	22CNATT01	2	15 (B403)
378	181378	Phạm Thu Thủy	417230028	30/10/2005	23CNH01	2	15 (B403)
379	181379	Trần Thị Thủy	411230376	23/01/2005	23CNA09	2	15 (B403)
380	181380	Trần Thị Thanh Thủy	411190384	08/07/2001	19CNA06	2	15 (B403)
381	181381	Lý Quỳnh Thy	411200815	17/06/2002	20CNACLC08	2	15 (B403)
382	181382	Hoàng Xuân Tiên	417220066	30/08/2004	22CNH02	2	15 (B403)
383	181383	Ngô Thị Thủy Tiên	411220299	01/12/2004	22CNA08	2	15 (B403)
384	181384	Nguyễn Thanh Tiên	412210035	05/07/2003	21CNADL01	2	15 (B403)
385	181385	Phạm Thị Tiên	412200272	14/08/2002	20CNATMCLC01	2	15 (B403)
386	181386	Trần Hữu Thủy Tiên	412170627	04/06/1999	17CNADL02	2	15 (B403)
387	181387	Trần Thị Hà Tiên	419220056	16/04/2004	22SPP01	2	15 (B403)
388	181388	Nguyễn Thị Ngọc Tiên	411170638	16/03/1999	17CNA09	2	15 (B403)
389	181389	Nguyễn Đức Gia Tịnh	415220198	24/11/2004	22CNTCLC01	2	15 (B403)
390	181390	Đậu Thị Ngọc Trâm	417220159	16/02/2004	22CNJ01	2	15 (B403)
391	181391	Hà Bảo Trâm	412220238	14/04/2004	22CNATMCLC02	2	15 (B403)
392	181392	Hoàng Huỳnh Bích Trâm	412190794	23/11/2001	19CNATMCLC01	2	15 (B403)
393	181393	Huỳnh Thị Bích Trâm	411210198	30/05/2003	21CNA02	2	15 (B403)
394	181394	Lê Huỳnh Bảo Trâm	417220255	09/12/2004	22CNJTM01	2	15 (B403)
395	181395	Nguyễn Lê Bảo Trâm	411220263	05/11/2004	22CNA07	2	15 (B403)
396	181396	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	412200273	07/12/2001	20CNATMCLC01	2	15 (B403)
397	181397	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	411220541	14/01/2004	22CNATT02	2	15 (B403)
398	181398	Trần Thị Yến Trâm	411220338	13/05/2004	22CNA09	2	15 (B403)
399	181399	Võ Thị Vân Trâm	411220033	22/09/2004	22CNA01	2	15 (B403)
400	181400	Châu Bảo Trân	412210228	14/12/2003	21CNATMCLC01	2	15 (B403)
401	181401	Đỗ Huyền Trân	412220035	20/10/2004	22CNADL01	2	15 (B403)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
402	181402	Lê Nguyễn Bảo Trân	411220542	25/08/2004	22CNATT02	2	15 (B403)
403	181403	Nguyễn Ngọc Huyền Trân	411210283	08/07/2003	21CNA04	2	16 (C402)
404	181404	Phan Nguyễn Quế Trân	411220264	20/01/2004	22CNA07	2	16 (C402)
405	181405	Trương Thùy Trân	411220188	18/10/2004	22CNA05	2	16 (C402)
406	181406	Chu Thị Trang	411200608	04/10/2002	20CNACLC02	2	16 (C402)
407	181407	Đặng Thị Thu Trang	412170688	18/03/1999	17CNADL03	2	16 (C402)
408	181408	Đỗ Thị Quỳnh Trang	416220097	11/03/2004	22CNDPHCLC01	2	16 (C402)
409	181409	Lê Thị Thùy Trang	411200581	01/01/2002	20CNACLC01	2	16 (C402)
410	181410	Lê Thị Thùy Trang	411200789	17/06/2002	20CNACLC07	2	16 (C402)
411	181411	Nguyễn Minh Trang	415220199	14/03/2004	22CNTCLC01	2	16 (C402)
412	181412	Nguyễn Quỳnh Trang	411200549	13/04/2002	20CNA12	2	16 (C402)
413	181413	Nguyễn Thị Huyền Trang	412170686	08/06/1999	17CNADL02	2	16 (C402)
414	181414	Nguyễn Thị Huyền Trang	411190787	29/04/2001	19CNACLC08	2	16 (C402)
415	181415	Nguyễn Thị Khánh Trang	412220076	01/06/2004	22CNADL02	2	16 (C402)
416	181416	Nguyễn Thị Kiều Trang	417220032	16/03/2004	22CNH01	2	16 (C402)
417	181417	Nguyễn Thị Thu Trang	411200791	01/01/2002	20CNACLC07	2	16 (C402)
418	181418	Nguyễn Thu Trang	415220101	15/07/2004	22CNTDL01	2	16 (C402)
419	181419	Phạm Thị Trang	411200472	17/11/2002	20CNA10	2	16 (C402)
420	181420	Phùng Thị Thu Trang	416220199	27/08/2004	22CNQTHCLC01	2	16 (C402)
421	181421	Phùng Thị Thùy Trang	411220034	05/10/2004	22CNA01	2	16 (C402)
422	181422	Trần Thị Thu Trang	419220069	19/07/2004	22SPT01	2	16 (C402)
423	181423	Hồ Tú Trinh	417220033	13/01/2004	22CNH01	2	16 (C402)
424	181424	Lê Nguyệt Trinh	411171111	29/07/1999	17CNACLC04	2	16 (C402)
425	181425	Lê Thị Kim Trinh	411220505	05/09/2004	22CNATT01	2	16 (C402)
426	181426	Lê Thị Ngọc Trinh	411170713	02/01/1999	17CNA01	2	16 (C402)
427	181427	Nguyễn Thị Kiều Trinh	411220114	22/12/2004	22CNA03	2	16 (C402)
428	181428	Phạm Nguyễn Hiền Trinh	411210200	27/07/2003	21CNA02	2	16 (C402)
429	181429	Phạm Thị Kiều Trinh	417220163	11/11/2004	22CNJ01	2	17 (C401)
430	181430	Trần Thị Trinh	411220035	14/04/2004	22CNA01	2	17 (C401)
431	181431	Trần Thị Hiền Trinh	412220239	05/02/2004	22CNATMCLC02	2	17 (C401)
432	181432	Phạm Nguyễn Đình Trung	411220379	03/10/2004	22CNA10	2	17 (C401)
433	181433	Lê Tất Đan Trường	412230237	13/02/2005	23CNATM03	2	17 (C401)
434	181434	Lê Thị Thanh Tú	417220262	13/02/2004	22CNJTM01	2	17 (C401)
435	181435	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170724	14/04/1999	17CNADL01	2	17 (C401)
436	181436	Lê Thị Tư	412170726	06/01/1999	17CNADL01	2	17 (C401)
437	181437	Nguyễn Cát Tường	417220069	15/08/2004	22CNH02	2	17 (C401)
438	181438	Lê Kim Tuyền	417220105	26/03/2004	22CNH03	2	17 (C401)
439	181439	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	411171123	01/12/1999	17CNACLC06	2	17 (C401)
440	181440	Võ Thanh Tuyền	412220078	01/04/2004	22CNADL02	2	17 (C401)
441	181441	Đặng Thị Tuyết	411220466	06/01/2004	22CNACLC03	2	17 (C401)
442	181442	Lương Thị Tuyết	411180958	20/10/2000	18CNACLC01	2	17 (C401)
443	181443	Phạm Thị Bùi Tuyết	411200793	08/06/2002	20CNACLC07	2	17 (C401)
444	181444	Huỳnh Thị Ty Uyên	411220506	13/02/2004	22CNATT01	2	17 (C401)
445	181445	Đặng Mỹ Uyên	412220144	18/09/2004	22CNATM01	2	17 (C401)
446	181446	Hoàng Thu Uyên	412200365	21/08/2002	20CNATMCLC04	2	17 (C401)
447	181447	Lương Thị Thu Uyên	411200670	31/05/2002	20CNACLC04	2	17 (C401)
448	181448	Ngô Phan Thảo Uyên	411171137	03/03/1999	17CNACLC01	2	17 (C401)
449	181449	Nguyễn Huỳnh Thảo Uyên	412230239	20/01/2005	23CNATM03	2	17 (C401)
450	181450	Nguyễn Thị Giao Uyên	411220545	20/07/2004	22CNATT02	2	17 (C401)
451	181451	Trần Đỗ Tố Uyên	412220267	14/12/2004	22CNATMCLC03	2	17 (C401)
452	181452	Trương Thị Tố Uyên	416220177	30/04/2004	22CNQTH02	2	17 (C401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
453	181453	Văn Thị Minh Uyên	411170750	25/08/1999	17CNA01	2	17 (C401)
454	181454	Võ Như Ngọc Uyên	411220304	05/10/2004	22CNA08	2	17 (C401)
455	181455	Lê Thị Vân	411171140	01/01/1999	17CNACLC06	2	18 (C404)
456	181456	Nguyễn Thị Yến Vi	411220305	10/10/2004	22CNA08	2	18 (C404)
457	181457	Trần Lê Tường Vi	416220069	02/11/2004	22CNDPH01	2	18 (C404)
458	181458	Võ Thị Bích Vi	411220467	15/03/2004	22CNACLC03	2	18 (C404)
459	181459	Võ Thị Tường Vi	412220330	07/01/2004	22CNATMĐT01	2	18 (C404)
460	181460	Hồ Thảo Vy	411180978	15/04/2000	18CNACLC03	2	18 (C404)
461	181461	Hồ Thị Trúc Vy	411220116	29/06/2004	22CNA03	2	18 (C404)
462	181462	Hồ Thị Tường Vy	412220331	20/10/2004	22CNATMĐT01	2	18 (C404)
463	181463	Lê Thị Tường Vy	412200158	10/04/2002	20CNATM01	2	18 (C404)
464	181464	Lê Thị Tường Vy	417220266	31/03/2004	22CNJTM01	2	18 (C404)
465	181465	Nguyễn Ái Vy	412220105	01/08/2004	22CNADLCLC01	2	18 (C404)
466	181466	Nguyễn Thị Ái Vy	412210125	01/06/2003	21CNATM01	2	18 (C404)
467	181467	Nguyễn Thị Tường Vy	416220140	07/08/2004	22CNQTH01	2	18 (C404)
468	181468	Nguyễn Thị Tường Vy	417220168	30/12/2004	22CNJ01	2	18 (C404)
469	181469	Nguyễn Trần Thảo Vy	417220203	22/05/2004	22CNJ02	2	18 (C404)
470	181470	Phạm Huyền Tường Vy	417220107	05/11/2000	22CNH03	2	18 (C404)
471	181471	Trần Thị Yến Vy	417210185	18/07/2003	22CNHCLC01	2	18 (C404)
472	181472	Trần Triệu Vy	414230054	30/10/2005	23CNNDL01	2	18 (C404)
473	181473	Huỳnh Giao Xuân	419230045	09/02/2005	23SPP01	2	18 (C404)
474	181474	Võ Thị Hồng Xuyên	411220306	03/10/2004	22CNA08	2	18 (C404)
475	181475	Hoàng Văn Ý	411220469	28/10/2004	22CNACLC03	2	18 (C404)
476	181476	Ngân Thị Ý	412210126	24/01/2003	21CNATM01	2	18 (C404)
477	181477	Nguyễn Phan Thị Như Ý	411171165	10/07/1999	17CNACLC01	2	18 (C404)
478	181478	Hoàng Thị Hải Yến	412220185	22/01/2004	22CNATM02	2	18 (C404)
479	181479	Hoàng Thị Minh Yến	417220108	24/06/2004	22CNH03	2	18 (C404)
480	181480	Nguyễn Thị Bảo Yến	419220022	06/11/2004	22SPA01	2	18 (C404)

Danh sách có 480 thí sinh./.